

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 01 - 2024
“V/v không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Chí Thân

Ông Đinh Đức Thành

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đăng Viện - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị N sinh năm 1968; nơi cư trú: khu 7, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Quang C; sinh năm 1967; nơi cư trú: khu 7, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: từ năm 1989, chị và anh Nguyễn Quang C tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và về sống chung tại khu 7, phường N, thị xã Q nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật. Hai người sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống không còn tiếng nói chung dẫn đến tình cảm hai bên ngày càng rạn nứt. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hòa giải, tình cảm dành cho nhau đã không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Nguyễn Quang C.

+ Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang C có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/10/1989 và Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 01/02/1997, hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: chị N và anh C tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết; công nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Quang C trình bày: anh và chị Nguyễn Thị N về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1989, tổ chức hôn lễ theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật. Hai người sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau. Anh cũng đồng ý với quan điểm của chị N là đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị N.

+ Trong quá trình sống chung anh chị có 02 con chung đúng như chị N đã khai.

+ Về tài sản và công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 01/12/2023 tại phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chính quyền địa phương đã xác nhận: bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Quang C chung sống với nhau từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung của hai người khá hạnh phúc, cho đến khoảng vài năm gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện tại cả hai đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông C, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Quang C hiện cư trú tại địa bàn thị xã Quảng Yên nên

Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: anh Nguyễn Quang C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang C tổ chức hôn lễ theo nghi thức truyền thống và về sống chung tại khu 7, phường N, thị xã Q nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật. Hai người sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, trong cuộc sống không còn tiếng nói chung dẫn đến tình cảm hai bên ngày càng rạn nứt. Hiện tại cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hòa giải, tình cảm dành cho nhau đã không còn nên cả hai anh chị đều yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của anh chị. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N và anh C.

Về con chung: trong quá trình sống chung, chị N và anh C có 02 con chung là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 13/10/1989 và Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 01/02/1997, hiện nay các con chung của anh chị đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) và hoàn toàn khỏe mạnh.

Về tài sản và công nợ chung: không có.

[4] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTT-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Quang C.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp ngày 27/10/2023 theo biên lai số: 0003778 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tx. Quảng Yên;
- Chi cục THADS tx. Quảng Yên;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND p. N;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Huy